

TÀI CHÍNH CÔNG

TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

◆ NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH CÔNG

- ✓ KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM TÀI CHÍNH CÔNG
- ✓ VAI TRÒ TÀI CHÍNH CÔNG

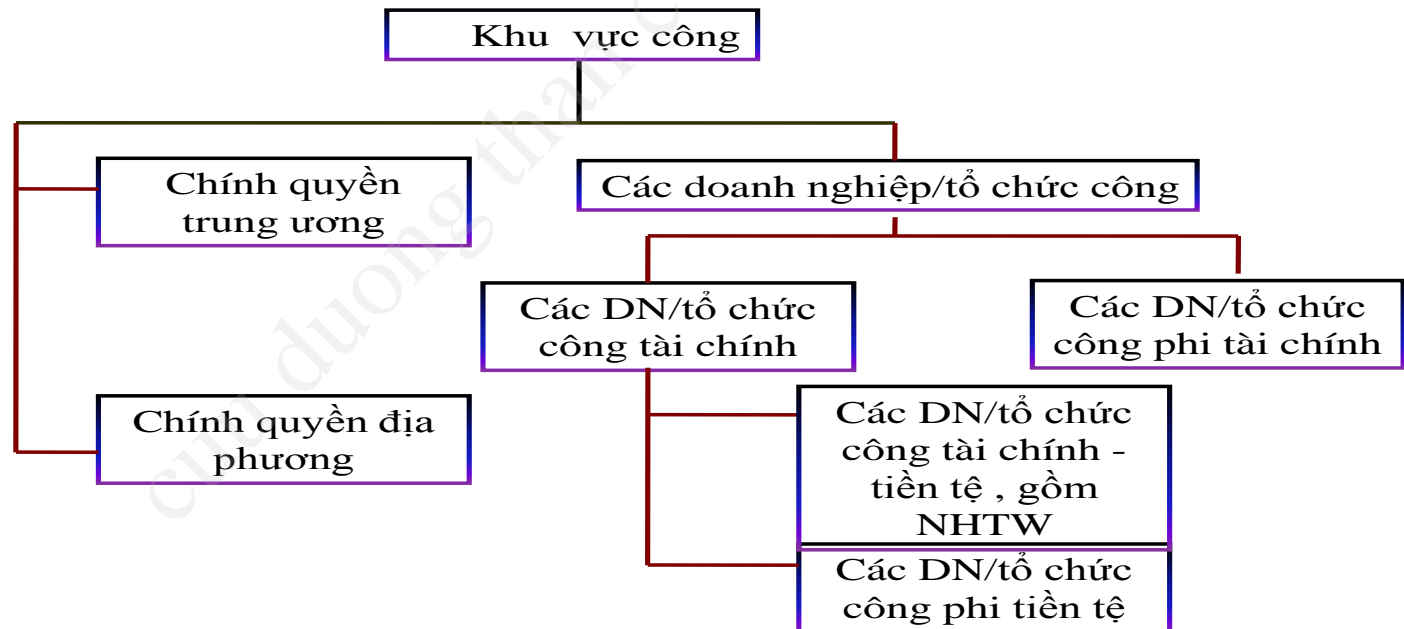
◆ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

- ✓ KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM NSNN
- ✓ TỔ CHỨC HỆ THỐNG NSNN
- ✓ CÂN ĐỐI THU CHI NSNN
- ✓ THU NSNN
- ✓ CHI NSNN

◆ HỆ THỐNG CÁC QUỸ NGOÀI NSNN

KHU VỰC CÔNG

◆ KHU VỰC CÔNG BAO GỒM KHU VỰC CHÍNH PHỦ VÀ CÔNG TY CÔNG PHI TÀI CHÍNH (CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC) VÀ CÔNG TY CÔNG TÀI CHÍNH (NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG, NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI NHÀ NƯỚC...)



Sơ đồ 8.1 Khu vực công

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH CÔNG

◆ Khu vực công:

- ✓ Hệ thống chính quyền nhà nước
- ✓ Hệ thống các đơn vị kinh tế nhà nước
- ✓ Tính đa dạng phức tạp

◆ Hoạt động khu vực công cần có tài chính → tài chính công

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH CÔNG

◆ Theo nghĩa hẹp:

- ✓ Tài chính công phản ánh các hoạt động thu chi tiền tệ của chính phủ

◆ Theo nghĩa rộng:

- ✓ Tài chính công là tài chính của khu vực công

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH CÔNG

◆ *Khái niệm tài chính công*

- ✓ Tài chính công là những hoạt động thu chi tiền tệ của nhà nước nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước trong việc cung cấp hàng hóa công cho xã hội.
- ✓ Tài chính công bao gồm quỹ ngân sách nhà nước, các quỹ ngoài ngân sách (quỹ bảo hiểm xã hội, các quỹ hỗ trợ tài chính...), tài chính các đơn vị quản lý hành chính, tài chính các đơn vị sự nghiệp, trong đó quỹ ngân sách nhà nước là bộ phận quan trọng nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH CÔNG

◆ Đặc điểm tài chính công

- ✓ Tài chính công là loại hình tài chính thuộc sở hữu nhà nước
- ✓ Quyền quyết định thu chi tài chính công do nhà nước (quốc hội, chính phủ hay cơ quan công quyền được ủy quyền) định đoạt và áp đặt lên mọi công dân.
- ✓ Tài chính công phục vụ cho những hoạt động không vì lợi nhuận, chú trọng đến lợi ích cộng đồng, lợi ích kinh tế xã hội
- ✓ Tài chính công tạo ra hàng hóa công, mọi người dân có nhu cầu có thể tiếp cận
- ✓ Quản lý tài chính công phải tôn trọng nguyên tắc công khai, minh bạch và có sự tham gia của công chúng

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH CÔNG

Xu hướng phát triển

- ◆ Quy mô tài chính công có xu hướng ngày càng tăng so với GDP
- ◆ Tính phi tập trung của tài chính công
- ◆ Tài chính công sử dụng nhiều công cụ khác nhau để tạo lập nguồn lực cho nhà nước

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH CÔNG

◆ Vai trò của tài chính công

- ✓ *Huy động nguồn tài chính đảm bảo nhu cầu chi tiêu của nhà nước*
 - ◆ Đây là vai trò lịch sử của tài chính công được xuất phát từ nội tại của phạm trù tài chính mà trong bất kỳ chế độ xã hội và cơ chế kinh tế nào, tài chính công đều phải thực hiện và phát huy
 - ◆ Các nguồn thu bằng hình thức thuế và thu ngoài thuế
- ✓ Phát huy vai trò này của tài chính công, trong quá trình huy động các nguồn tài chính cần thiết phải xác định
 - ◆ *Mức độ vận động các nguồn tài chính từ đơn vị cơ sở*
 - ◆ *Các công cụ kinh tế được sử dụng tạo nguồn thu và thực hiện các khoản chi của nhà nước.*
 - ◆ *Tỷ lệ vận động (tỷ suất thu) của nhà nước trên GDP*

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH CÔNG

- ◆ Vai trò tài chính công nhận thức thông qua trả lời các câu hỏi:
 - ✓ Tại sao chính phủ phải can thiệp?
 - ✓ Can thiệp bằng cách thức gì?
 - ✓ Tác động của sự can thiệp.
- ◆ Nhận thức vai trò của tài chính công gắn liền với vai trò của chính phủ
 - ✓ Khắc phục thất bại của thị trường
 - ✓ Tái phân phối

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH CÔNG

◆ Vai trò của tài chính công

✓ *Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đảm bảo nền kinh tế tăng trưởng ổn định và bền vững*

- ◆ Thông qua các khoản chi cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, như: đường sá, cảng, sân bay, điện, kênh đập tưới tiêu nước, viễn thông, nước sạch, bảo vệ môi trường, bệnh viện, trường học....
- ◆ Chính sách thu của tài chính công, đặc biệt là chính sách thuế cũng tác động không nhỏ đến chính sách điều chỉnh cơ cấu kinh tế.

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH CÔNG

◆ Vai trò của tài chính công

✓ Góp phần ổn định thị trường và giá cả hàng hóa

- ◆ Nhà nước phải sử dụng công cụ tài chính công để can thiệp vào thị trường thông qua chính sách chi tiêu công tác động vào hai yếu tố cơ bản của thị trường là cung cầu và giá cả để ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, dưới hình thức tài trợ vốn, trợ giá và sử dụng các quỹ dự trữ nhà nước về hàng hóa và dự trữ tài chính
- ◆ Quá trình điều chỉnh thị trường ngân sách nhà nước còn tác động đến sự hoạt động của thị trường tiền tệ, thị trường vốn và trên cơ sở đó thực hiện giảm lạm phát, kiểm soát lạm phát

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH CÔNG

◆ Vai trò của tài chính công

✓ *Tái phân phối thu nhập xã hội giữa các tầng lớp dân cư, thực hiện công bằng xã hội*

- ◆ thuế là công cụ mang tính chất động viên nguồn thu cho nhà nước
- ◆ chi tiêu công mang tính chất chuyển giao thu nhập đó đến những người có thu nhập thấp thông qua các khoản chi an sinh xã hội, chi cho các chương trình giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo...

II. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

- ◆ Ngân sách nhà nước được thiết lập là nhằm mục đích ấn định con số chi tiêu công trong một năm mà nhà nước phải tìm kiếm nguồn để tài trợ.
- ◆ NSNN là đạo luật tài chính
- ◆ Quản lý theo nguyên tắc của khu vực công

II. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

◆ *Khái niệm ngân sách nhà nước*

Ngân sách nhà nước là một phạm trù kinh tế phản ánh sự tạo lập và sử dụng quỹ tiền tệ của nhà nước nhằm thực hiện các chức năng của nhà nước.

- ✓ Về mặt hình thức biểu hiện có thể hiểu ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu chi của nhà nước trong dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước
- ✓ Về bản chất ngân sách nhà nước là hoạt động phân phối các nguồn tài chính của xã hội gắn liền với việc hình thành và sử dụng quỹ ngân sách nhà nước.

KHÁI NIỆM VÀ CÁC NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC HỆ THỐNG NSNN

◆ Khái niệm và các mô hình tổ chức hệ thống NSNN

- ✓ Hệ thống NSNN là một thể thống nhất được tạo thành bởi các bộ phận cấu thành là các khâu ngân sách độc lập nhưng chúng có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thu, chi của mình.
- ✓ Tổ chức hệ thống NSNN là việc xác định, sắp xếp, bố trí các bộ phận cấu thành hệ thống NSNN nhằm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ thu, chi của từng cấp NS cũng như toàn bộ hệ thống NSNN

KHÁI NIỆM VÀ CÁC NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC HỆ THỐNG NSNN

- ◆ Hệ thống NSNN thường được tổ chức phù hợp với hệ thống chính quyền nhà nước. Để xác định một cấp chính quyền nhà nước có nên là một cấp NS, cần phải xem xét trên 2 khía cạnh:
 - ✓ Nhiệm vụ của cấp chính quyền được giao phó phải tương đối toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế xã hội trên vùng lãnh thổ mà cấp chính quyền đó quản lý.
 - ✓ Tổng nguồn thu trên vùng lãnh thổ mà cấp chính quyền đó quản lý phải có khả năng giải quyết được phần lớn nhu cầu chi tiêu của mình.

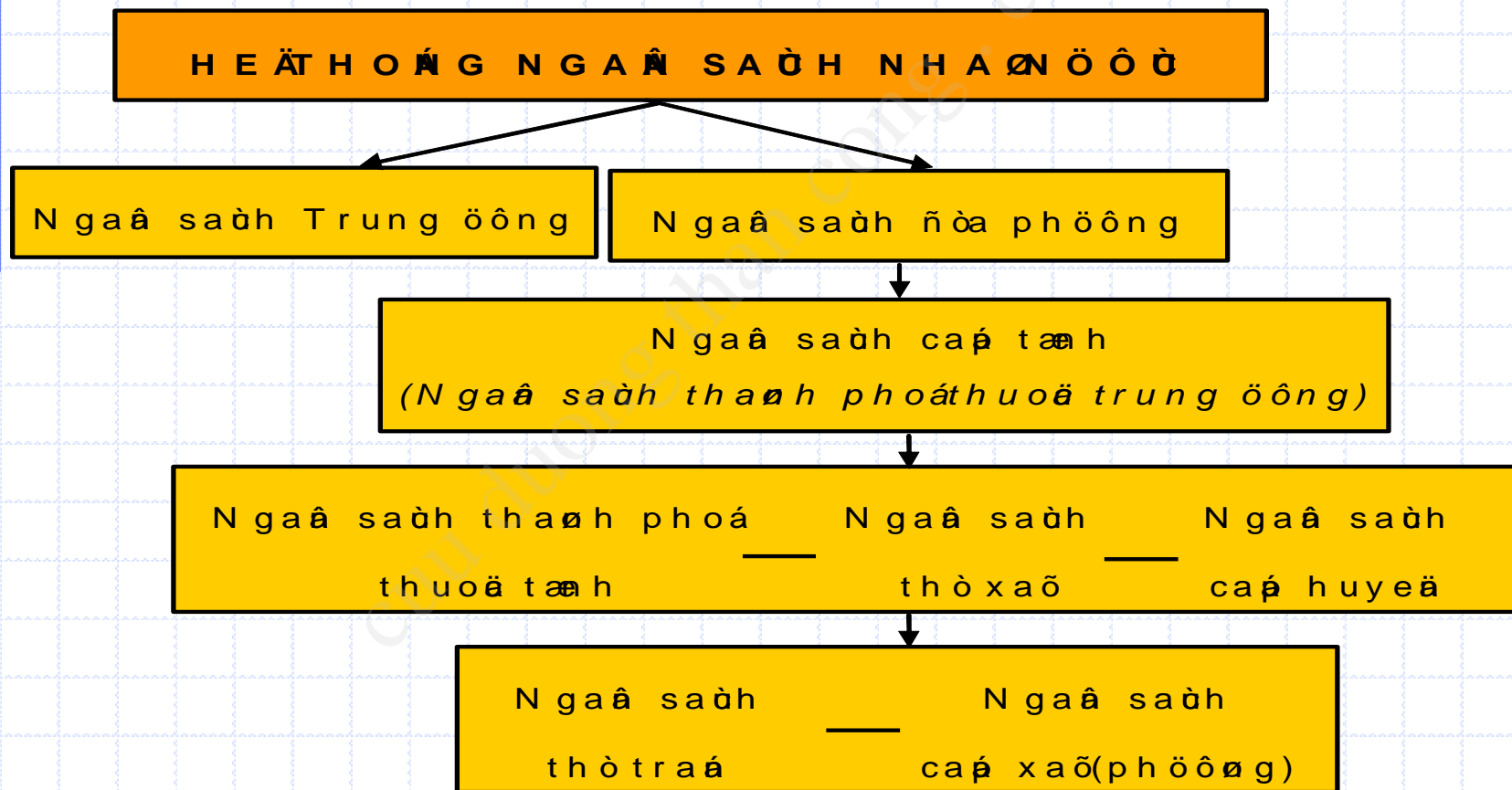
KHÁI NIỆM VÀ CÁC NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC HỆ THỐNG NSNN

◆ Có hai mô hình cơ bản:

- ✓ Các nước có tổ chức hành chính theo mô hình liên bang, thì hệ thống NSNN được cấu thành bởi các khâu: NS liên bang; NS bang và địa phương, như Mỹ, Đức, Malaysia.
- ✓ Các nước tổ chức hành chính theo kiểu nhà nước đơn nhất, như Trung quốc, nhật bản, Việt nam... hệ thống NSNN bao gồm: NS trung ương và NS địa phương.
 - ◆ NSTW được cấu thành từ NS của tất cả các cơ quan trung ương.
 - ◆ NSĐP được hình thành từng NS của tất cả các cấp chính

Tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước

◆ Cơ cấu hệ thống NSNN mô tả theo sơ đồ sau



KHÁI NIỆM VÀ CÁC NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC HỆ THỐNG NSNN

- ◆ Các nguyên tắc tổ chức và quản lý hệ thống NSNN
 - ✓ Nguyên tắc thống nhất trong tổ chức hệ thống NSNN: mặc dù được tổ chức thành nhiều cấp nhưng các cấp cấu thành hệ thống phải thống nhất và duy nhất. Đảm bảo tính thống nhất phải thực hiện 3 yêu cầu:
 - ◆ Phải thể chế hóa thành luật mọi chủ trương, chính sách, tiêu chuẩn, định mức về thu, chi NSNN.
 - ◆ Đảm bảo tính nhất quán trên phạm vi toàn quốc về hệ thống và chuẩn mực kế toán, về phương thức báo cáo, trình tự lập, phê chuẩn, chấp hành và quyết toán NSNN.
 - ◆ Phải tạo cơ sở pháp lý cho việc thiết lập mối quan hệ giữa NS cấp trên với cấp dưới trong việc điều chuyển vốn giữa các cấp

KHÁI NIỆM VÀ CÁC NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC HỆ THỐNG NSNN

◆ Các nguyên tắc tổ chức hệ thống NSNN

- ✓ Nguyên tắc độc lập và tự chủ của các cấp NS: các cấp NS cần có sự độc lập và tự chủ ở một chừng mực nhất định trong quá trình thực hiện chức năng của mình. Do vậy cần phải giao các nguồn thu và các nhiệm vụ chi cụ thể cho từng cấp cũng như cho phép mỗi cấp có quyền quyết định NS cấp mình.
- ✓ Nguyên tắc tập trung quyền lực trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền nhà nước trong hoạt động ngân sách: quyền quyết định của quốc hội và quyền điều hành thống nhất của chính phủ; vai trò chủ đạo của NSTW, phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền nhà nước địa phương.

Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước

- ◆ Gồm các quy phạm pháp luật xác định quyền hạn, nhiệm vụ của các cấp chính quyền nhà nước trong việc quản lý và điều hành hoạt động của ngân sách nhà nước
- ◆ Nội dung
 - ✓ Phân cấp về quyền lực ban hành các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn định mức tài chính
 - ✓ Phân cấp về vật chất (xác định các khoản thu và chi cho các cấp ngân sách).
 - ✓ Phân cấp về chu trình ngân sách (quan hệ về quản lý trong chu trình vận động của ngân sách nhà nước).

Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước

◆ Phân cấp về vật chất

✓ Phân cấp thu của các cấp NSNN:

- ◆ Các khoản thu 100%
- ◆ Các khoản thu được phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTW và NSDP
- ◆ Số bổ sung từ NS cấp trên cho NS cấp dưới
- ◆ Vay nợ của chính quyền địa phương

Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước

- ◆ Phân cấp chi của các cấp NSNN:
 - ✓ NSTW và NSDP về cơ bản đảm nhận các khoản chi sau:
 - ◆ Chi đầu tư phát triển
 - ◆ Chi thường xuyên
 - ✓ Phân cấp chi phải đáp ứng các yêu cầu:
 - ◆ Chất lượng cung cấp các dịch vụ hàng hóa công của địa phương
 - ◆ Năng lực quản lý
 - ◆ Đô thị hay nông thôn

Cân đối thu chi ngân sách nhà nước

- ◆ Cân đối ngân sách nhà nước phản ánh sự điều chỉnh mối quan hệ tương tác giữa thu và chi ngân sách nhà nước nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế – xã hội mà nhà nước đã đề ra ở tầm vĩ mô cũng như trong từng lĩnh vực và địa bàn cụ thể.
- ◆ Cân đối tổng thu và tổng số chi NSNN
 - ✓ Cân đối sơ cấp => thu thường xuyên – chi thường xuyên
 - ✓ Cân đối thứ cấp => chênh lệch cân đối sơ cấp – chi đầu tư

Cân đối thu chi ngân sách nhà nước

◆ Mỗi tương quan giữa thu và chi NSNN trong một tài khóa được biểu hiện qua 3 trạng thái:

- ✓ *Ngân sách nhà nước cân bằng*
- ✓ *Ngân sách nhà nước bội thu*
- ✓ *Ngân sách nhà nước bội chi*

Cân đối thu chi ngân sách nhà nước

- ◆ Cân đối NSNN là cân đối vĩ mô quan trọng tác động đến cân đối tiết kiệm – đầu tư và xuất – nhập khẩu.
- ◆ Chính sách tài khóa liên quan đến cân đối NSNN
 - ✓ Nền kinh tế suy thoái => chính sách tài khóa mở rộng => bội chi NSNN
 - ✓ Nền kinh tế tăng trưởng nóng => chính sách tài khóa thắt chặt => cân bằng NSNN

Cân đối thu chi ngân sách nhà nước

◆ Nguyên tắc cân đối thu chi NSNN

Tổng thu thường xuyên mang tính không hoàn trả gồm: thuế, phí, lệ phí..

>

*Tổng chi thường xuyên mang tính không thu hồi chi cho tiêu dùng
Dành phần ngày càng lớn cho chi đầu tư phát triển mang tính tích lũy*

◆ Trường hợp NSNN có bội chi

Mức bội chi NSNN

<

Tổng chi đầu tư phát triển

Xử lý bội chi bằng 2 biện pháp

- Vay nợ
- Phát hành tiền

HỆ THỐNG THU NSNN

◆ Phản ánh tổng thể các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình nhà nước sử dụng các quan hệ kinh tế để huy động điều tiết các nguồn tài chính của xã hội nhằm tạo lập quỹ tiền tệ của nhà nước đồng thời thực hiện chức năng, nhiệm vụ của NN.

◆ Bao gồm

3.1. Thu thuế

3.2. Thu từ phí và lệ phí

3.3. Thu từ hoạt động kinh tế

3.4. Thu từ vay nợ và nhận viện trợ quốc tế

3.1. Thu thuế

3.1.1. Khái niệm và đặc điểm thuế:

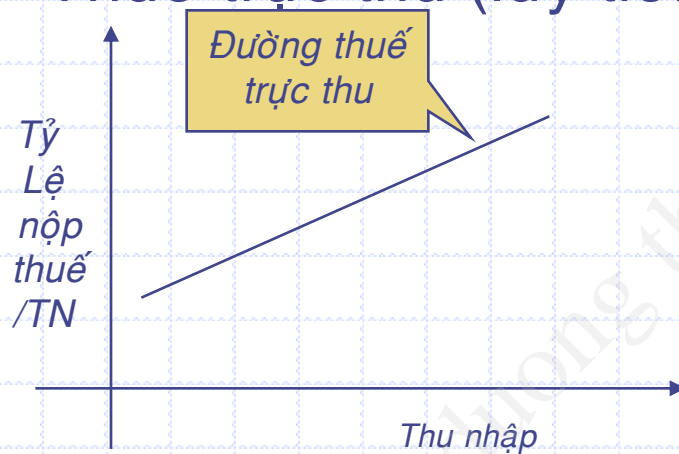
- ◆ Thuế là khoản đóng góp bắt buộc cho nhà nước theo luật định nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu của nhà nước.
- ◆ **Đặc điểm:**
 - Tính pháp lý cao
 - Tính không hoàn trả trực tiếp
 - không đối ứng.
 - Là công cụ điều tiết vĩ mô kinh tế xã hội của nhà nước.

3.1. Thu thuế

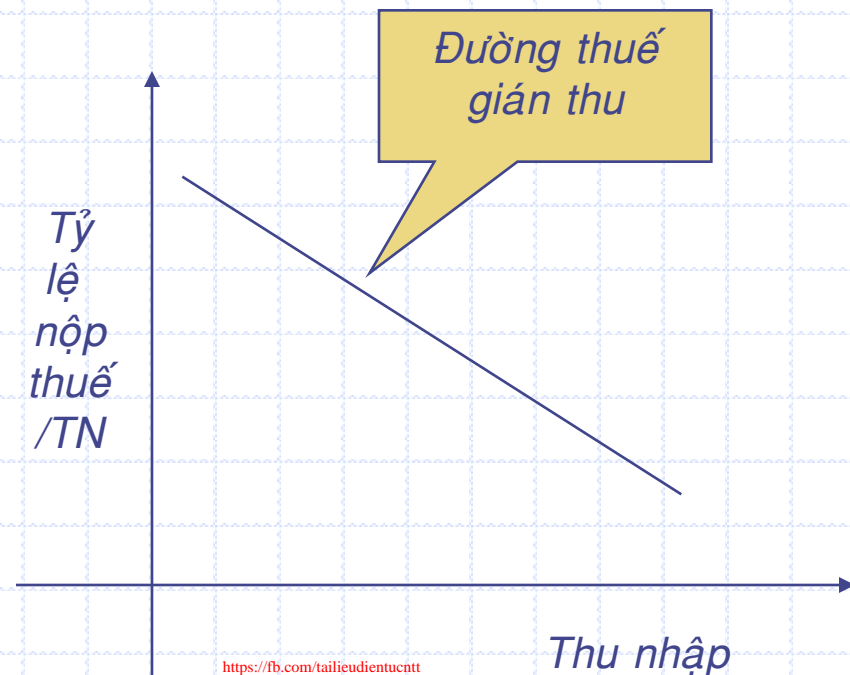
3.1.2. Phân loại thuế

- Căn cứ vào tính chất kinh tế, thuế chia làm 2 loại:

- ◆ Thuế trực thu (lũy tiến)



- ◆ Thuế gián thu (lũy thoái)



3.1. Thu thuế

- Căn cứ vào đối tượng, thuế gồm:
 - ◆ Thuế đánh vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - ◆ Thuế đánh vào hàng hóa
 - ◆ Thuế đánh vào thu nhập
 - ◆ Thuế đánh vào tài sản

3.2. Thu từ phí và lệ phí

- ◆ Lệ phí là khoản thu bắt buộc đối với các pháp nhân và thể nhân một mặt vừa bù đắp chi phí hoạt động hành chính mà nhà nước cung cấp cho các pháp nhân thể nhân đó, vừa mang tính là khoản động viên cho NSNN.
- ◆ Phí là khoản thu mang tính bù đắp một phần chi phí thường xuyên và bất thường về các dịch vụ công cộng hoặc để duy tu sửa chữa các công trình thuộc kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội.

3.3. Thu từ hoạt động kinh tế

- Các khoản thu xuất phát từ hoạt động đầu tư của nhà nước
 - ◆ Thu nhập từ các doanh nghiệp nhà nước
 - ◆ Chia lãi liên doanh
 - ◆ Chia cổ tức
 - ◆
- Các khoản thu từ khai thác tài sản thuộc sở hữu nhà nước
 - ◆ Bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước trong tiến trình cổ phần hoá các DNNN
 - ◆ Đấu giá quyền sử dụng đất
 - ◆ Bán tài nguyên thiên nhiên
 - ◆ Cho thuê tài sản thuộc sở hữu nhà nước.

3.4. Vay nợ và viện trợ chính phủ

3.4.1. Vay nợ chính phủ

Vay nợ để bù đắp thiếu hụt NSNN và đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế, điều hòa vốn của nhà nước

Vay nợ chính phủ được thực hiện với nhiều kỳ hạn khác nhau, tùy theo nhu cầu của các cấp NSNN. Bao gồm:

- ◆ Vay trong nước: Tín phiếu, trái phiếu, trái phiếu công trình, trái phiếu chính quyền địa phương...
- ◆ Vay nước ngoài :
 - ✓ ODA song phương
 - ✓ ODA đa phương
 - ✓ Phát hành trái phiếu chính phủ ra thị trường tài chính quốc tế

3.4. Vay nợ và viện trợ chính phủ

3.4.2. Viện trợ quốc tế không hoàn lại

Là nguồn phát triển của các chính phủ các tổ chức liên chính phủ, các tổ chức quốc tế cấp cho một nước nhằm thực hiện các chương trình hợp tác phát triển kinh tế xã hội.

- ◆ Từ các chính phủ, các tổ chức tài chính quốc tế:
 - ✓ ODA không hoàn lại song phương
 - ✓ ODA không hoàn lại từ các tổ chức tài chính quốc tế như: WB, ADB.
- ◆ Từ các tổ chức thuộc liên hiệp quốc
 - ✓ UNDP
 - ✓ UNICEF
 - ✓ UNFPA
 - ✓ PAM
 - ✓ OMS
 - ✓

HỆ THỐNG CHI NSNN

Phản ánh tổng thể các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình nhà nước sử dụng tiền tệ của NN nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của NN.

- ◆ Chi thường xuyên
- ◆ Chi đầu tư phát triển
- ◆ Chi dự trữ
- ◆ Chi trả nợ gốc tiền do chính phủ vay

4.1. Chi thường xuyên

Là các khoản chi mang tính chất chi cho tiêu dùng, của nhà nước và của xã hội, bao gồm:

- ◆ Chi sự nghiệp: đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội, hướng đến phát triển nhân tố con người:
 - ✓ Chi sự nghiệp kinh tế
 - ✓ Chi sự nghiệp văn hoá xã hội:
 - ◆ Khoa học công nghệ;
 - ◆ Giáo dục đào tạo;
 - ◆ Y tế;
 - ◆ Văn hóa nghệ thuật thể dục thể thao;
 - ◆ Chi sự nghiệp xã hội.

4.1. Chi thường xuyên

- ◆ Chi quản lý nhà nước: cho tiêu dùng của bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương. Khoản chi này phải tiết kiệm và hiệu quả. Gồm:
 - ✓ Cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp
 - ✓ Các cơ quan quản lý vĩ mô kinh tế xã hội của nhà nước
 - ✓ Cơ quan Đảng, Đoàn thể...
- ◆ Chi an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội:
 - ✓ An ninh, trật tự xã hội
 - ✓ Quốc phòng, chống ngoại xâm

4.2. Chi đầu tư phát triển

Là các khoản chi mang tính tích lũy, có tác động trực tiếp đến việc tăng năng suất và các quan hệ cân đối lớn của nền kinh tế.

◆ Chi đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội: Hình thành nên tài sản cố định quốc dân

- ✓ Đầu tư XDCB các công trình thuộc kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội
- ✓ Các ngành công nghiệp cơ bản
- ✓ Các công trình trọng điểm về phát xã hội...

◆ Chi đầu tư hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp nhà nước

- ✓ Cấp phát vốn thành lập DN NN
- ✓ Bổ sung vốn cho các DNNN giữ lại trong tiến trình cổ phần hoá.

4.2. Chi đầu tư phát triển

- ◆ Góp vốn liên doanh, vốn cổ phần vào các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực cần thiết có sự tham gia của nhà nước nhằm hướng dẫn, kiểm soát hoặc khống chế các hoạt động của các doanh nghiệp này theo hướng phát triển có lợi cho nền kinh tế.
- ◆ Chi cho các quỹ hỗ trợ phát triển:
 - ✓ Ngân hàng chính sách
 - ✓ Quỹ hỗ trợ đầu tư
 - ✓ Các quỹ hỗ trợ phát triển khác

4.3. Chi dự trữ nhà nước

- ◆ Được NN sử dụng như một công cụ điều tiết vĩ mô, nhằm thực hiện 2 mục đích:
 - ✓ Điều chỉnh các hoạt động thị trường, ổn định môi trường kinh tế vĩ mô
 - ✓ Khắc phục tổn thất thiệt hại do rủi ro bất ngờ xảy ra, ổn định đời sống, sản xuất, xã hội.
- ◆ Hình thức dự trữ
 - ✓ Các hàng hóa thiết yếu
 - ✓ Vàng, ngoại tệ
 - ✓ Quỹ dự trữ, dự phòng tại chính quyền các cấp

4.4. Chi trả nợ

◆ Chi trả nợ gốc tiền do chính phủ vay

- ✓ Trả nợ vay nước ngoài
- ✓ Trả nợ vay trong nước

CÁC QUỸ NGOÀI NGÂN SÁCH

◆ Sự tồn tại khách quan của các quỹ

✓ Tại sao phải có quỹ ngoài NSNN?

- ◆ Tính linh hoạt trong quản lý
- ◆ Khai thác các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển và giải quyết thỏa đáng nhu cầu của các đối tượng xã hội

◆ => thành lập các quỹ ngoài NSNN cần cân nhắc: sự phân tán và kém hiệu quả

CÁC QUỸ NGOÀI NGÂN SÁCH

◆ Hệ thống các quỹ ngoài NSNN

- ✓ Quỹ dự trữ nhà nước
- ✓ Các quỹ bảo hiểm của nhà nước
- ✓ Các quỹ hỗ trợ tài chính của nhà nước

QUỸ DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC



Mục đích

- ✓ Khẩn cấp phòng chống thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn trên diện rộng;
- ✓ Khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn trên diện rộng;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ quan trọng về an ninh quốc phòng;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ để ổn định thị trường;

Đặc điểm quỹ dự trữ

- ◆ Các hình thức quỹ dự trữ
 - ✓ Hàng hóa chiến lược
 - ✓ Ngoại tệ, vàng...
- ◆ Các cấp quỹ lý
 - ✓ Quỹ dự trữ tập trung quốc gia
 - ✓ Quỹ dự trữ của các Bộ, ngành
 - ✓ Quỹ dự trữ của NHNN
- ◆ Nguyên tắc quản lý:
 - ✓ Nguyên tắc tập trung thống nhất
 - ✓ Nguyên tắc bí mật, an toàn

QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI

- ◆ Bao gồm các nội dung:
 - ✓ Các trường hợp khó khăn do mất khả năng lao động
 - ✓ Tai nạn, bệnh nghề nghiệp
 - ✓ Ốm đau
 - ✓ Hưu trí
 - ✓ Trợ cấp gia đình người lao động bị chết
 - ✓ Thất nghiệp
 - ✓ ...
- ◆ Đối tượng của BHXH là những người lao động trong XH.

QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI

◆ Đóng góp phí bảo hiểm:

- ✓ Nguồn lực BHXH được đóng góp từ nhiều phía: người lao động, người sử dụng lao động và hỗ trợ từ NSNN.

◆ Mục đích của BHXH:

- ✓ Góp phần đạt tới mục tiêu cuối cùng của sự phát triển là sự ổn định đời sống dân cư.

◆ Tính chất và kỹ thuật BHXH:

- ✓ Thu, chi BHXH và tiêu chuẩn trả tiền bảo hiểm đều do luật pháp quy định.

QUỸ BẢO HIỂM Y TẾ

- ◆ Hoạt động nhằm mục đích chia sẻ rủi ro với cộng đồng dân cư trong lĩnh vực chăm sóc khỏe.
- ◆ Giữa BHXH và BHYT có mối quan hệ chặt chẽ với nhau tạo thành hệ thống bảo trợ xã hội.
- ◆ Hình thức BHYT, có 2 hình thức:
 - ✓ Hình thức bảo hiểm bắt buộc
 - ✓ Hình thức bảo hiểm tự nguyện
- ◆ Nguồn hình thành quỹ BHYT
 - ✓ Đóng góp từ người lao động và người sử dụng lao động
 - ✓ Tài trợ từ NSNN

QUỸ ĐẦU TƯ ĐỊA PHƯƠNG

Thực hiện đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội địa phương như: giao thông; hệ thống cấp, thoát nước; xử lý chất thải; bệnh viện; trường học.... Cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư và tham gia thị trường vốn.

CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

- ◆ **Chính sách tài khóa** là việc sử dụng ngân sách nhà nước để tác động vào nền kinh tế.
- ◆ Chính sách tài khóa có thể một trong 2 tình trạng:
 - ✓ **Chính sách tài khóa thắt chặt** hay thu hẹp (Contractionary fiscal policy) khi thu lớn hơn chi (còn gọi ngân sách thặng dư).
 - ✓ **Chính sách tài khóa nới lỏng** hay mở rộng (Expansionary fiscal policy) khi thu nhỏ hơn chi (còn gọi ngân sách bội chi)

TỔNG CẦU CỦA XÃ HỘI VÀ SỐ NHÂN CHI TIÊU

Keyness hình thành mô hình số nhân trên cơ sở phân tách chi tiêu của xã hội thành 2 loại: (i) chi tiêu tự định (autonomy expenditures) thay đổi các nhân tố khác, độc lập với thay đổi nhân tố thu nhập. (ii) chi tiêu ứng dụ (induced expenditure) là thành phần chi tiêu thay đổi khi thu nhập thay đổi.

$$AE = C + I + G + (X - M) = AE_0 + mpcY$$

Trong đó: AE_0 : là chi tiêu tự định; mpc : thiên hướng tiêu dùng biên (marginal propensity to consume); Y : thu nhập và tích số $mpcY$ chính là chi tiêu ứng dụ.

$$mpc = \frac{\Delta C}{\Delta Y} = \frac{\Delta AE}{\Delta Y}$$

TỔNG CẦU CỦA XÃ HỘI VÀ SỐ NHÂN CHI TIÊU

- ◆ Tại điểm cân bằng thị trường cạnh tranh, tổng cung bằng tổng cầu. Trong điều kiện thị trường hoàn hảo, tổng cầu ($AE = AD$) chính là tổng chi tiêu xã hội và tổng cung là tổng thu nhập xã hội, nên tại điểm cân bằng của thị trường ta có:

$$Y = AE_0 + mpcY$$



$$Y = \left(\frac{1}{(1 - mpc)} \right) \times AE_0$$

Trong đó

$$\left(\frac{1}{(1 - mpc)} \right)$$

gọi là số nhân chi tiêu

CHÍNH SÁCH TÀI KHOÁ VÀ TỔNG CẦU

$$\Delta Y = \Delta AE = \frac{1}{1 - mpc} \times \begin{pmatrix} \Delta C (+) \\ \Delta I (+) \\ \Delta G (+) \\ \Delta (X - M) \end{pmatrix}$$

- ◆ Chính phủ có thể làm thay đổi tổng cầu theo chính sách thắt chặt hay mở rộng.
- ◆ Chính sách tài khoá cũng làm thay đổi thành phần của tổng cầu
- ◆ Trong nền kinh tế mở, chính sách tài khoá cũng tác động đến tỷ giá hối đoái và cán cân thương mại.

